

Số: 26070924/KQKN
Ngày/Date: 22/7/2026

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

- Tên mẫu (Name of sample) : Trà búp ổi – lá ổi non Tú Hân
- Ký hiệu mẫu (Mark of sample) :
- Số lượng mẫu (Quantity) : 01
- Ngày nhận mẫu (Date of receiving) : 08/7/2026
- Khách hàng (Client) : Hợp tác xã thảo dược Quảng Ngãi
- Địa chỉ (Address) : Thôn Gò Chu, xã Sơn Hạ, tỉnh Quảng Ngãi
- Tình trạng mẫu (Condition of sample) : Mẫu khoảng 03 hộp/ 1 hộp x 125gram, chứa trong hộp giấy
- Kết quả thử nghiệm (Test results) :



TT (No)	Tên chỉ tiêu (Test Properties)	Đơn vị tính (Unit)	Kết quả (Test Results)	Phương pháp thử (Test Methods)
1	Độ ẩm	% khối lượng	7,95	Ref. TCVN 7035:2002
2	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/kg	KPH ($\leq 0,05$)	AOAC 999.11
3	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/kg	KPH ($\leq 0,05$)	AOAC 999.11
4	Hàm lượng thủy ngân (Hg)	mg/kg	KPH ($< 0,01$)	AOAC 974.14
5	Hàm lượng Asen (As)	mg/kg	KPH ($< 0,05$)	AOAC 986.15
6	Hàm lượng Protein	g/100g	9,74	TCVN 10034:2013 (*)
7	Hàm lượng Carbohydrate	g/100g	20,3	VLAB-CH-TP-140 (*)
8	Hàm lượng béo tổng	g/100g	4,9	VLAB-CH-TP-106 (*)
9	Năng lượng	kcal/100g	164	VLAB-CH-TP-140 (*)
10	Hàm lượng Natri	mg/100g	9,24	VLAB-CH-TP-204 (Ref. AOAC 969.23) (*)
11	Hàm lượng Aflatoxin B ₁	µg/kg	KPH/ND (LOQ 0,5)	VLAB-CH-TP-599 (*)
12	Hàm lượng Aflatoxin tổng số	µg/kg	KPH/ND (LOQ 2)	VLAB-CH-TP-599 (*)
13	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	CFU/g	4,6 x 10 ²	TCVN 4884-1:2015

14	Coliforms	CFU/g	KPH	TCVN 6848:2007
15	E.coli	CFU/g	KPH	TCVN 6846:2007
16	Salmonella	CFU/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017
17	Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	Bào tử/g	1,2 x10 ¹	TCVN 8275-1:2010
<u>Ghi chú:</u> - KPH: Không phát hiện (Not detected). - Các chỉ tiêu (*) được phân tích bởi nhà thầu phụ (Items (*) are tested by subcontractor).				

PHÒNG ĐO LƯỜNG - THỬ NGHIỆM
Testing and Measurement Division



Trương Hoàng Diệu Linh

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Deputy Director



Võ Lân Dũng

